

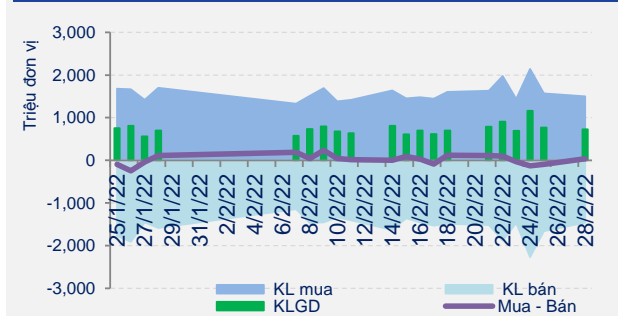
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 28/2/2022

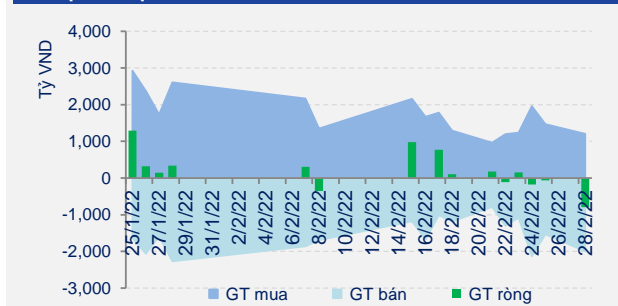
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,490.13	440.42
% Thay đổi	↓ -0.58%	↑ 0.06%
KLGD (CP)	729,793,825	101,298,042
GTGD (tỷ đồng)	23,580.25	2,866.25
Tổng cung (CP)	1,462,367,600	144,959,600
Tổng cầu (CP)	1,499,385,100	134,974,600

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	48,919,200	813,494
KL mua (CP)	29,861,600	180,068
GT mua (tỷ đồng)	1,200.57	8.63
GT bán (tỷ đồng)	1,995.19	28.29
GT ròng (tỷ đồng)	(794.62)	(19.66)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.70%	20.9	3.5	1.0%
Công nghiệp	↑ 0.33%	23.1	3.3	12.8%
Dầu khí	↑ 0.74%	20.2	2.3	4.6%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -1.40%	-	11.1	3.8%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.11%	16.9	2.6	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.56%	18.7	3.7	8.5%
Ngân hàng	↓ -0.98%	12.6	2.4	14.6%
Nguyên vật liệu	↑ 2.40%	9.9	2.3	25.7%
Tài chính	↓ -1.22%	24.1	3.2	25.0%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.01%	18.9	2.9	3.3%
VN - Index	↓ -0.58%	17.5	3.2	
HNX - Index	↑ 0.06%	23.3	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Bất chấp việc chứng khoán Mỹ tăng mạnh trong phiên cuối tuần trước, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn điều chỉnh trong phiên đầu tuần khi mà triển vọng hạ nhiệt căng thẳng Nga-Ukraine chưa thực sự rõ ràng. Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index giảm 8,76 điểm (-0,58%) xuống 1.490,13 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng nhẹ về tiêu cực với 202 mã tăng (26 mã tăng trần), 37 mã tham chiếu, 252 mã giảm (0 mã giảm sàn). Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn chịu áp lực điều chỉnh trong phiên hôm nay khi có tới 21/30 mã thuộc VN30 (-0,61%) kết phiên trong sắc đỏ. Tiêu cực nhất trong nhóm này phải kể đến là bộ đôi họ Vin với VIC (-2,7%), VHM (-1%). Bên cạnh đó, nhóm ngân hàng cũng chịu áp lực bán và đồng loạt điều chỉnh, có thể kể đến như VPB (-0,5%), CTG (-2,1%), TCB (-0,6%), HDB (-1,5%), ACB (-1,3%), BID (-1,9%), VCB (-0,7%)... Ở chiều ngược lại, cổ phiếu thép đi ngược thị trường chung khi tăng giá mạnh trong phiên hôm nay với HPG (+2,8%), NKG (+6,9%), HSG (+7%), TLH (+6,9%)... nhờ thông tin EU cắt giảm nhập khẩu thép từ Nga. Nhóm hóa chất cũng có phiên giao dịch tích cực với sắc xanh và tím là chủ đạo như DPM (+6,9%), DCM (+6,9%), LAS (+9,5%), DDV (+9,1%)... Giá dầu vẫn tiếp tục đà tăng giá mạnh như tiếp theo động lực cho nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục xu hướng tăng PVS (+3,3%), BSR (+0,4%), PVD (+2%), PVC (+10%), PSH (+4,8%), PVB (+7%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường giao dịch khá cầm chừng trong phiên đầu tuần với thanh khoản suy giảm và chỉ xấp xỉ mức trung bình 20 phiên khi mà một bộ phận nhà đầu tư có lẽ vẫn đang "nghe ngóng" tình hình đàm phán giữa Nga và Ukraine. Xét trên góc độ kỹ thuật, VN-Index kết phiên hôm nay trong vùng hỗ trợ 1.485-1.495 điểm (MA20-50) cũng củng cố thêm cho nhận định trên. Diễn biến trong phiên giao dịch tiếp theo 1/3 có thể bị ảnh hưởng khá nhiều bởi kết quả đàm phán Nga-Ukraine. Trong kịch bản tích cực, đàm phán diễn ra thuận lợi, VN-Index có thể bứt phá khỏi vùng giá hiện tại để lấy lại ngưỡng tâm lý 1.500 điểm. Trong kịch bản tiêu cực, nếu đàm phán thất bại và leo thang căng thẳng, VN-Index có thể sẽ cần lùi về các vùng hỗ trợ thấp hơn để tìm kiếm lực cầu bắt đáy. Trong bất kỳ kịch bản nào, khả năng thị trường nhay gap trong phiên tới là hoàn toàn có thể diễn ra. Những nhà đầu tư đã mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và đứng ngoài quan sát thị trường.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

28/2/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng nhẹ vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 1.502,36 điểm. Nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 1.487,57 điểm. Về chiều, lực cầu gia tăng giúp chỉ số thu hẹp mức giảm. Kết phiên, VN-Index giảm 8,76 điểm (-0,58%) xuống 1.490,13 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC giảm 2.100 đồng, VHM giảm 800 đồng, BID giảm 850 đồng. Ở chiều ngược lại, HPG tăng 1.300 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 442,12 điểm. Cũng có thời điểm, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm nhẹ xuống dưới mức tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 438,8 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 0,26 điểm (+0,06%) lên 440,42 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: PVS tăng 1.100 đồng, TVC tăng 2.000 đồng, HUT tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, THD giảm 1.100 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 797,39 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 17,9 triệu cổ phiếu. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 353 tỷ đồng tương ứng với 7,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 121,7 tỷ đồng tương ứng với 3,6 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, FUEVFVND là mã được mua ròng nhiều nhất với 140,5 tỷ đồng tương ứng với 4,9 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 19,63 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 633 nghìn cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 17,2 tỷ đồng tương ứng với 499,9 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 2,3 tỷ đồng tương ứng với 65 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SCI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 1,4 tỷ đồng tương ứng với 44 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên cuối tuần trước và xấp xỉ mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là áp lực bán trong phiên hôm nay là không thực sự mạnh. Có lẽ là một bộ phận nhà đầu tư vẫn đứng ngoài "nghe ngóng" tình hình đàm phán giữa Nga và Ukraine.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm nhẹ hôm nay (-0,58%) thì chỉ số VN-Index đã lui về vùng hỗ trợ trong khoảng 1.485-1.495 điểm (MA20-50). Điều này cũng thể hiện việc các nhà đầu tư đang chờ đợi kết quả của cuộc đàm phán giữa Nga và Ukraine.

Do đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 1/3, diễn biến của VN-Index có thể sẽ là bật tăng trở lại nếu diễn biến trên bàn đàm phán đi theo hướng tích cực.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu đàm phán thất bại và áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ lui về vùng hỗ trợ tiếp theo trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022) để tìm kiếm lực cầu bắt đáy.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

CPI tháng 2/2022 tăng 1% so với tháng trước

Theo Tổng Cục Thống kê, giá xăng dầu tăng theo giá nhiên liệu thế giới, giá lương thực, thực phẩm, ăn uống ngoài gia đình và giá dịch vụ giao thông công cộng tăng trong dịp Tết Nguyên Đán Nhâm Dần làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 2/2022 tăng 1% so với tháng trước, tăng 1.42% so với cùng kỳ năm trước và tăng 1.2% so với tháng 12/2021.



TIN TRONG NƯỚC

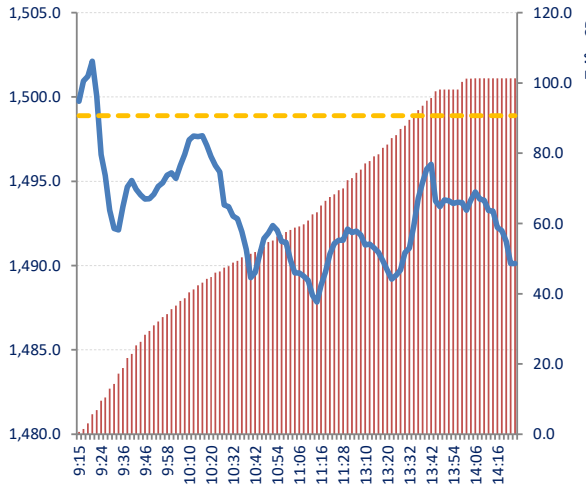
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 64,8 - 65,8 triệu đồng/lượng, tăng 700.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và không đổi ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 28/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.140 VND/USD, giảm 6 đồng so với cuối tuần qua.

TIN QUỐC TẾ

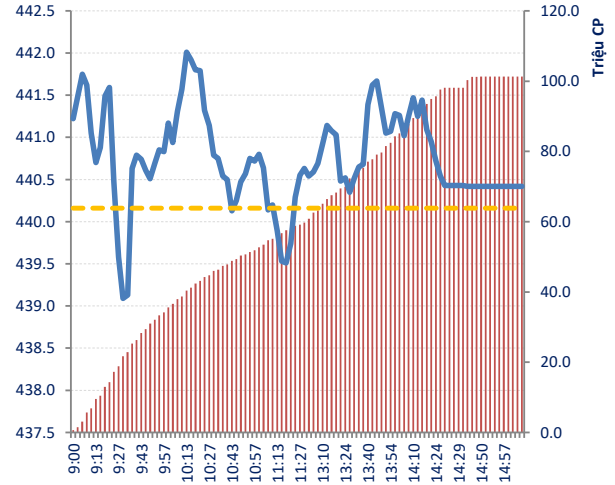
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 15,2 USD/ounce tương ứng với 0,8% lên 1.902,6 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,551 điểm tương ứng 0,57% lên 97,172 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1171 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3371 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,56 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 4,41 USD/thùng tương ứng với 4,79% lên 95,98 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng	Kết thúc phiên giao dịch ngày 25/2, Dow Jones tăng 834,92 điểm tương đương 2,51% lên 34.058,75 điểm. Nasdaq tăng 221,04 điểm tương đương 1,64% lên 13.694,62 điểm. Nasdaq Composite tăng 95,95 điểm tương đương 2,24% lên 4.384,65 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

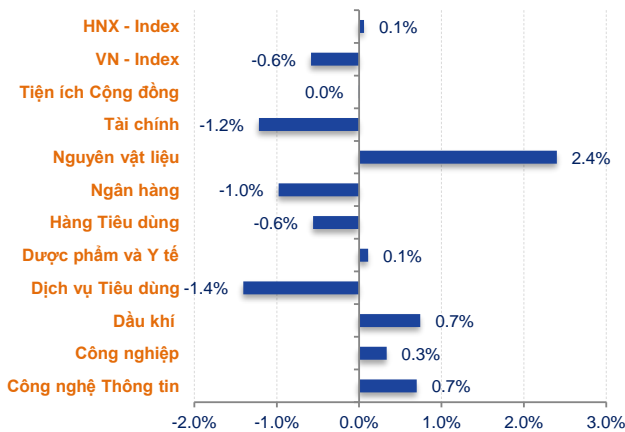
KLGD và VN-Index trong phiên



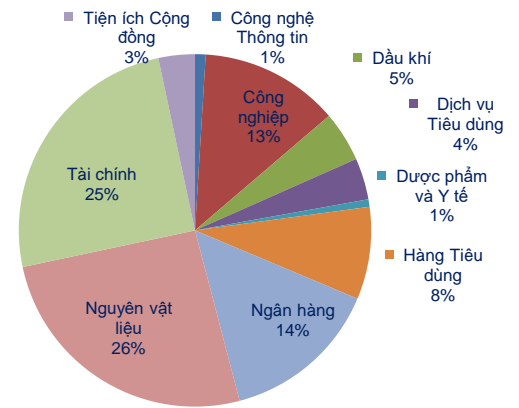
KLGD và HNX-Index trong phiên



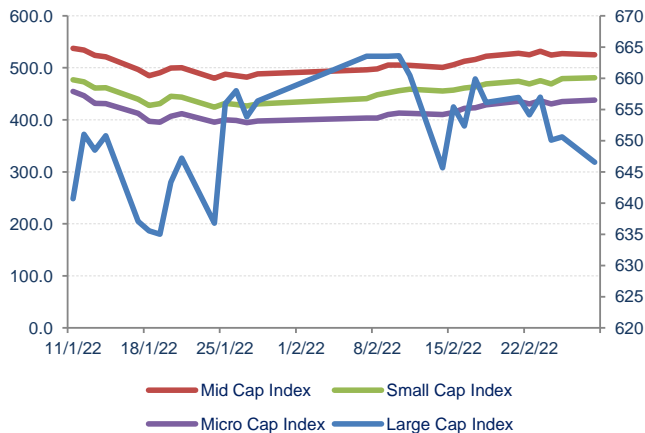
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



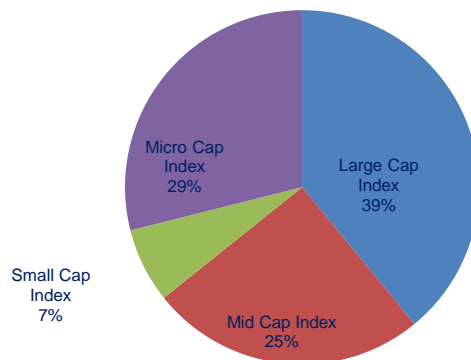
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	4,873,700	HPG	7,512,000
2	NLG	1,064,900	CTG	3,647,800
3	TPB	1,060,300	POW	3,016,800
4	VRE	881,300	LPB	2,097,800
5	STB	830,400	HDB	1,855,900

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SCI	44,300	TNG	499,900
2	SHS	17,950	PVS	65,435
3	VKC	10,600	PVL	26,800
4	THD	5,100	PVC	26,000
5	PTS	4,500	PVG	25,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
HPG	45.90	47.20	↑	2.83%	35,728,100
POW	17.85	17.35	↓	-2.80%	28,351,900
HSG	35.85	38.35	↑	6.97%	21,915,900
VPB	38.20	38.00	↓	-0.52%	21,335,600
NKG	41.30	44.15	↑	6.90%	19,784,100

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
PVS	33.80	34.90	↑	3.25%	14,502,835
TVC	20.30	22.30	↑	9.85%	6,971,401
SHS	44.00	44.10	↑	0.23%	4,031,784
TNG	34.40	35.00	↑	1.74%	3,919,743
CEO	66.30	65.70	↓	-0.90%	3,740,591

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	50.00	53.50	3.50	↑ 7.00%
DRH	24.35	26.05	1.70	↑ 6.98%
HSG	35.85	38.35	2.50	↑ 6.97%
DAT	22.25	23.80	1.55	↑ 6.97%
SFG	18.70	20.00	1.30	↑ 6.95%

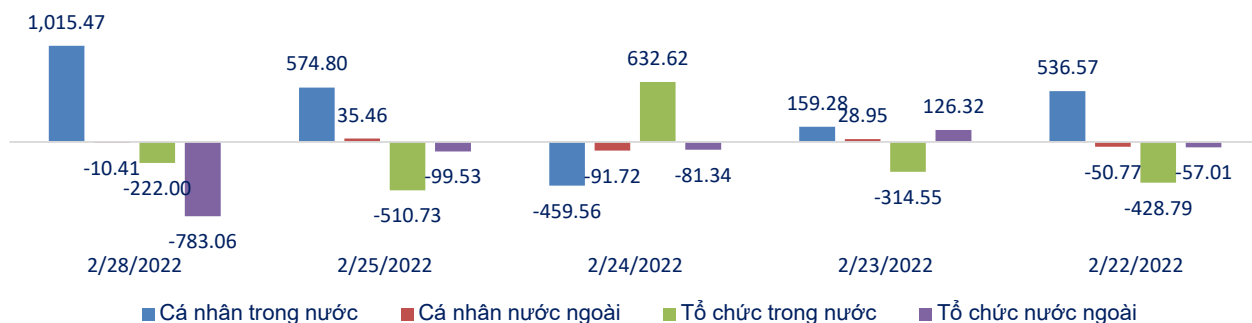
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PVC	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
HLC	15.00	16.50	1.50	↑ 10.00%
TTT	45.10	49.60	4.50	↑ 9.98%
TMB	18.10	19.90	1.80	↑ 9.94%
QHD	44.40	48.80	4.40	↑ 9.91%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNA	18.00	16.80	-1.20	↓ -6.67%
EVG	15.50	14.55	-0.95	↓ -6.13%
VRC	37.95	35.80	-2.15	↓ -5.67%
NBB	33.90	32.20	-1.70	↓ -5.01%
HOT	40.00	38.00	-2.00	↓ -5.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SGC	86.90	78.30	-8.60	↓ -9.90%
PBP	30.70	27.70	-3.00	↓ -9.77%
VGP	25.70	23.20	-2.50	↓ -9.73%
TST	14.40	13.00	-1.40	↓ -9.72%
SMT	24.70	22.30	-2.40	↓ -9.72%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	397.15	46.0%	7,708	6.0	2.3
VIC	117.29	-1.9%	(717)	-	1.9
CTG	110.97	15.7%	2,932	11.5	1.7
KBC	92.15	5.8%	1,587	36.4	2.2
NVL	61.38	8.8%	1,695	45.0	3.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NLG	-72.29	10.5%	3,155	17.0	1.5
TPB	-60.25	22.6%	3,207	13.1	2.0
ACB	-52.47	23.9%	3,554	9.7	2.1
MWG	-50.87	27.3%	6,895	20.0	4.8
TCB	-46.28	21.5%	5,144	9.9	2.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	7.23	30.3%	5,042	15.6	4.6
VND	4.57	19.6%	1,957	39.9	4.0
PVT	3.09	10.1%	2,056	11.8	1.2
VJC	1.94	7.5%	2,242	64.7	4.6
FUEVFVND	1.45	N/A	N/A	N/A	N/A

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	-12.52	30.6%	5,618	22.2	5.9
KBC	-4.69	5.8%	1,587	36.4	2.2
DIG	-3.80	15.3%	2,210	39.9	5.7
STB	-2.68	10.8%	1,855	17.8	1.8
HPG	-1.98	46.0%	7,708	6.0	2.3

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	56.19	18.3%	4,543	23.7	4.1
ACB	52.47	23.9%	3,554	9.7	2.1
MWG	50.87	27.3%	6,895	20.0	4.8
TCB	46.28	21.5%	5,144	9.9	2.0
FPT	43.09	21.6%	4,782	19.3	3.9

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-148.19	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	-68.73	10.8%	1,855	17.8	1.8
HNG	-52.20	0.7%	51	178.9	1.2
HPG	-44.27	46.0%	7,708	6.0	2.3
GMD	-37.04	8.9%	2,007	25.2	2.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	140.41	N/A	N/A	N/A	N/A
NLG	57.72	10.5%	3,155	17.0	1.5
TPB	44.69	22.6%	3,207	13.1	2.0
STB	29.99	10.8%	1,855	17.8	1.8
VRE	29.30	4.4%	578	58.8	2.5

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-350.90	46.0%	7,708	6.0	2.3
CTG	-121.50	15.7%	2,932	11.5	1.7
VIC	-106.66	-1.9%	(717)	-	1.9
HDB	-53.63	21.8%	3,034	9.6	1.9
POW	-53.21	5.6%	760	23.5	1.3



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	35,728,100	46.0%	7,708	6.0	2.3
POW	28,351,900	3250.0%	760	23.5	1.3
HSG	21,915,900	47.7%	8,931	4.0	1.6
VPB	21,335,600	17.0%	2,662	14.4	2.0
NKG	19,784,100	50.0%	10,422	4.0	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,502,835	4.7%	1,260	26.8	1.3
TVC	6,971,401	26.3%	5,456	3.7	1.0
SHS	4,031,784	25.5%	2,886	15.2	2.2
TNG	3,919,743	17.8%	2,725	12.6	2.1
CEO	3,740,591	2.7%	362	183.2	4.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LGC	↑ 7.0%	4.6%	1,081	46.3	2.1
DRH	↑ 7.0%	1.6%	232	105.2	1.7
HSG	↑ 7.0%	47.7%	8,931	4.0	1.6
DAT	↑ 7.0%	5.2%	628	35.4	1.5
SFG	↑ 7.0%	6.0%	720	26.0	1.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PVC	↑ 10.0%	0.9%	147	136.2	1.2
HLC	↑ 10.0%	22.7%	2,967	5.1	1.1
TTT	↑ 10.0%	0.3%	217	207.8	0.5
TMB	↑ 9.9%	22.2%	4,018	4.5	1.0
QHD	↑ 9.9%	12.3%	2,131	20.8	2.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	4,873,700	N/A	N/A	N/A	N/A
NLG	1,064,900	10.5%	3,155	17.0	1.5
TPB	1,060,300	22.6%	3,207	13.1	2.0
VRE	881,300	4.4%	578	58.8	2.5
STB	830,400	10.8%	1,855	17.8	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SCI	44,300	32.5%	5,344	5.7	1.8
SHS	17,950	25.5%	2,886	15.2	2.2
VKC	10,600	1.0%	125	95.5	1.0
THD	5,100	21.8%	2,805	62.1	9.6
PTS	4,500	12.0%	2,052	6.8	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	402,737	21.3%	4,629	18.4	3.6
VHM	340,947	35.3%	9,036	8.7	2.6
VIC	301,682	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	225,357	12.7%	2,090	21.3	2.6
GAS	224,315	17.1%	4,531	25.9	4.3

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,970	21.8%	2,805	62.1	9.6
KSF	32,730	9.1%	1,387	78.7	5.5
IDC	21,630	9.6%	1,508	47.8	4.6
NVB	17,205	0.0%	3	9,337.4	2.9
CEO	17,062	2.7%	362	183.2	4.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DXV	5.44	-3.1%	(336)	-	0.7
KHP	5.42	7.2%	836	21.2	1.5
IDI	5.14	4.5%	600	25.5	1.1
TNI	5.03	-2.8%	(310)	-	0.7
FLC	4.84	0.7%	119	105.1	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.72	7.0%	343	37.3	2.5
CEO	2.37	2.7%	362	183.2	4.8
APS	2.15	15.2%	883	38.3	2.9
L14	2.04	39.0%	8,000	46.9	13.4
ART	2.02	0.1%	16	661.0	0.9



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
